

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

Dự thảo sau tiếp thu ý
kiến của Ban KTNS

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17 tháng 01 năm 2023 và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 24 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2023/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 12 tháng 12 năm 2024 quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo cáo thẩm tra số 19/BC-HĐND-KTNS ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Ban Kinh tế Ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17 tháng 01 năm 2023 và Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm

2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2030 tại khoản 2 Mục VIII Điều 1 Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17 tháng 01 năm 2023, như sau:

Đất khu công nghiệp: diện tích đề xuất đưa vào phương án phân bổ là 12.835 ha.

2. Điều chỉnh nội dung Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh (kèm theo Phụ lục chi tiết).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ sở pháp lý đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại nội dung quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 24 (chuyên đề) thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chức năng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích theo Quy hoạch tỉnh được duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg (ha)	Điều chỉnh diện tích KCN trong Quy hoạch tỉnh (ha)	
				Diện tích điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ đến năm 2030 (ha)
I	Các Khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất KCN được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024		7.584	12.835	12.835
1	KCN Bắc Đồng Phú	Huyện Đồng Phú và Thành phố Đồng Xoài	190	190	190
2	KCN Nam Đồng Phú	Huyện Đồng Phú	69	69	69
3	KCN Đồng Xoài I	Thành phố Đồng Xoài	163	163	163
4	KCN Đồng Xoài II	Thành phố Đồng Xoài	85	85	85
5	KCN Đồng Xoài III	Thành phố Đồng Xoài	121	121	121
6	KCN Chơn Thành I	Thị xã Chơn Thành	125	125	125
7	KCN Chơn Thành II	Thị xã Chơn Thành	76	76	76
8	KCN Minh Hưng - Hàn Quốc	Thị xã Chơn Thành	197	197	197
9	KCN Minh Hưng III	Thị xã Chơn Thành	292	292	292
10	KCN Becamex - Bình Phước	Thị xã Chơn Thành	2.450	2.450	2.450
11	KCN Minh Hưng - Sikico	Huyện Hớn Quản	655	655	655
12	KCN Việt Kiều	Huyện Hớn Quản và thị xã Bình Long	104	104	104
13	KCN Tân Khai II	Huyện Hớn Quản	160	160	160
14	KCN Bắc Đồng Phú giai đoạn II	Thành phố Đồng Xoài và huyện Đồng Phú	317	317	317
15	KCN Nam Đồng Phú giai đoạn II	Huyện Đồng Phú	480	480	480
16	KCN Minh Hưng III giai đoạn II	Thị xã Chơn Thành	578	578	578

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích theo Quy hoạch tỉnh được duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg (ha)	Điều chỉnh diện tích KCN trong Quy hoạch tỉnh (ha)	
				Diện tích điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ đến năm 2030 (ha)
17	KCN Hoa Lư	KKTCK Hoa Lư - Lộc Ninh	348	348	348
18	KCN Ledana	KKTCK Hoa Lư - Lộc Ninh	425	425	425
19	KCN Minh Hưng - Sikico giai đoạn II	Huyện Hớn Quản	300	300	300
20	Các Khu Công nghiệp Đông Nam Đồng Phú	Huyện Đồng Phú	449	4.200	4.200
21	KCN Minh Hưng	Thị xã Chơn Thành	500	500	500
22	KCN Bình Phước	Huyện Đồng Phú	500	500	500
23	KCN Đồng Nơ	Huyện Hớn Quản	500	500	500
II	Các khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh Bình Phước được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp		10.521	5.270	
2	KCN Becamex Bình Phước	Thị xã Chơn Thành	450	-	
3	KCN Long Tân (Phú Riềng)	Huyện Phú Riềng	283	283	
4	KCN Minh Lập	Thị xã Chơn Thành	300	300	
5	KCN Tân Khai (Hớn Quản)	Huyện Hớn Quản	240	240	
6	KCN Minh Đức (Hớn Quản)	Huyện Hớn Quản	460	460	
7	KCN Minh Hưng - Sikico - Giai đoạn II (Hớn Quản)	Huyện Hớn Quản	300	300	
8	KCN Nam Đồng Phú - Giai đoạn III	Huyện Đồng Phú	900	900	
11	KCN Phú Riềng (Phú Riềng 159ha và Đồng Phú 334 ha)	Huyện Đồng Phú và huyện Phú Riềng	493	493	
12	KCN Long Hà (Phú Riềng)	Huyện Phú Riềng	524	524	

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích theo Quy hoạch tỉnh được duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg (ha)	Điều chỉnh diện tích KCN trong Quy hoạch tỉnh (ha)	
				Diện tích điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất KCN phân bổ đến năm 2030 (ha)
13	KCN Bắc Đồng Phú- Giai đoạn III	Huyện Đồng Phú	400	400	
14	KCN Minh Hưng - Sikico - Giai đoạn II	Huyện Hớn Quản	800	500	
15	Các KCN trong phân khu công nghiệp trong Khu Kinh tế	KKTCK Hoa Lư	1.290	870	
TỔNG CỘNG (I+II)			18.105	18.105	

Ghi chú:

- Quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư;
- Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư phải phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan (nếu có), bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; đồng thời, người quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình;
- Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.